

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MÙ CANG CHẢI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 02- 2024.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Tòng Văn Quân;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

2. Bà Sùng Thị Mỹ.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lý A Đà- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà:** Ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/ TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/QĐST- HNGĐ ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Thào Thị L, sinh năm 2001; Trú tại: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Sùng A N, sinh năm 1998; Trú tại: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện: Ông Bùi Văn H- Giám đốc. Vắng mặt có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* ông Thào A D; Trú tại tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/10/2023 và tại phiên toà nguyên đơn Thào Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Sùng A N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 21/03/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian chung sống anh N nghiện chất ma túy, bán hết tài sản đồ đạc trong nhà mang đi sử dụng ma túy, không chịu khó làm ăn, khi chị L góp ý, nhắc nhở thì anh N không nghe, không thay đổi, chị L có nói với anh N nhưng anh N không quan tâm. Nay chị L không còn tình cảm với anh N nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Do đó chị Thào Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên là:

+ Sùng A C, sinh ngày 04/6/2018;

+ Sùng Thị Vân S, sinh ngày 19/3/2020.

Hiện các cháu đang ở với chị Thào Thị L bên ông bà ngoại, tại bản Đào Xa, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Thị Vân S, Giao cho anh Sùng A N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A C, chị L và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung gồm có*:

+ 01 Ngôi nhà 03 gian bằng gỗ thường, có diện tích khoảng 45 m<sup>2</sup>, trị giá khoảng 50 triệu đồng. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA.

+ 01 mảnh nương thảo quả khoảng 1,5 ha, địa điểm tại bản Pú Vá.

Chị Thào Thị L yêu cầu được chia ½ ngôi nhà; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA; ½ mảnh nương thảo quả. Số tài sản còn lại để anh N sở hữu và sử dụng.

- *Nợ chung*: Nợ ngân hàng chính sách và xã hội huyện M là 50 triệu đồng, đến nay đã trả được 25 triệu đồng. Số nợ còn lại là 25 triệu đồng. Chị L yêu cầu anh N trả số nợ trên.

*Đối với bị đơn*: Tòa án đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh N cố tình trốn tránh, vắng mặt không có lý do.

\* *Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản xác minh ngày 07/12/2023*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thào Thị L và anh Sùng A N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 21/03/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Tại nơi cư trú anh Sùng A N thường xuyên vắng mặt tại địa phương, qua xác minh tại UBND xã anh N là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên lang thang, không có mặt tại địa phương, khi được Tòa án triệu tập và UBND xã triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không chịu hợp tác với

Toà án cũng như chính quyền địa phương, anh Sùng A N biết chị Thào Thị L làm đơn xin ly hôn nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

Về con chung: Như chị L trình bày, qua xác minh các cháu đã có đăng ký khai sinh tại UBND xã C, huyện M.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 01 Ngôi nhà 03 gian bằng gỗ thường, có diện tích khoảng 45 m<sup>2</sup>, trị giá khoảng 50 triệu đồng. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA tại thời điểm xem xét thẩm định anh N đã bán, hiện không còn đối tượng để xem xét.

+ Đối với mảnh nương thảo quả khoảng 1,5 ha, địa điểm tại bản Pú Vá. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ do làm chung cùng anh Sùng A C1 (anh trai bị đơn) nên chị L rút yêu cầu đối với nội dung này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 chị Thào Thị L rút toàn bộ yêu cầu giải về tài sản chung.

\* Tại Công văn số 79/CV- PGD ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M đề nghị Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xem xét, giải quyết và tạo điều kiện để đơn vị thu hồi vốn của Nhà nước do phòng G huyện quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho chị Thào Thị L được ly hôn với anh Sùng A N;

Về con chung: Chị Thào Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Thị Vân S, anh Sùng A N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A C; chị Thào Thị L và anh Sùng A N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 chị Thào Thị L rút toàn bộ yêu cầu giải về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh Sùng A N có trách nhiệm trả khoản tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Yên Bái.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Thảo Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn Sùng A N, trú tại bản Pú Vá, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Sùng A N cố tình trốn tránh không tham gia phiên toà; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thảo Thị L và anh Sùng A N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến ngày 21/03/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Xét thấy trong thời gian chung sống chị L và anh N đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh N là người nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con và gia đình, khiến cho chị L và anh N phải sống ly thân. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Thảo Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Thảo Thị L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Sùng Thị Vân S, sinh ngày 19/03/2020, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A C, sinh ngày 04/06/2018. Yêu cầu của chị L là căn cứ vì toàn bộ tài sản của gia đình đã giao cho anh N sở hữu, sử dụng; mặt khác cũng bảo đảm cho các cháu được học tập, phát triển về thể chất và tinh thần. Chị L và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 chị Thảo Thị L rút toàn bộ yêu cầu giải về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung: Chị Thảo Thị L rút yêu cầu về tài sản chung để lại cho anh Sùng A N sở hữu, sử dụng. Do đó anh N có trách nhiệm trả khoản tiền vay 25.000.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Yên Bái.

[6] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị L được ly hôn với anh Sùng A N.

2. Về con chung: chị Thào Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Thị Vân S, sinh ngày 19/03/2020; anh Sùng A N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A C, sinh ngày 04/06/2018. Chị Thào Thị L và anh Sùng A N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Anh Sùng A N có trách nhiệm trả khoản tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Yên Bái.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

5. Về nghĩa vụ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo giấy giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đề ngày 04/12/2023; Số tiền trên đã được chi phí hết trong việc xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

**PHẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã C; huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

**Tòng Văn Q**